

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/6/2021.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị N.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Bà Võ Thị Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 28/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/02/2021 về việc: ***“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ dân phố n, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Nhân Q, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ dân phố h, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Q vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày: Trước đây vào năm 2017 chị và anh Q đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang giải quyết cho ly hôn, nhưng vì nghĩ đến con còn nhỏ nên chị và anh Q đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị N đã về nhà cha mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng cũng ly thân phần ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau tính đến nay đã được hơn 01 năm 06 tháng. Nay chị xét thấy mâu

thuần của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N yêu cầu Tòa giải quyết cho chị và anh Q được ly hôn với nhau.

Về con chung: Chị N và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Phạm N A, sinh ngày 20/6/2015. Hiện nay cháu A đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, có khả năng lao động. Từ khi vợ chồng chị sống ly thân, anh Q không cấp dưỡng nuôi con nên chị N cũng không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Q không có tài sản chung và nợ chung nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Nhân Q, mặc dù đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng anh Q đều cố tình vắng mặt không có lý do nên không trình bày được quan điểm về nội dung vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/01/2018 mang tên Phạm Thị N và Nguyễn Nhân Q (bản chính); 01 Sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Nhân Q (bản sao); 01 sổ hộ khẩu mang tên Phạm Văn X (bản sao); 01 Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thị N (bản sao); 01 bản sao Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Phạm N A; 01 đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 26/02/2021.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị N và anh Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 05/01/2018; chị N và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Phạm N A, sinh ngày 20/6/2015. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị N giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/01/2018 mang tên Phạm Thị N và Nguyễn Nhân Q (bản chính) và 01 bản sao Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Phạm N A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị và anh Nguyễn Nhân Q có địa chỉ tại tổ dân phố h, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Nhân Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Nhân Q tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/01/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia

Lai theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N:

Chị N cho rằng trong quá trình chung sống giữa chị và anh Q đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị N và anh Q đã từng ly hôn 01 lần nhưng vì nghĩ đến con anh, chị lại về chung sống nhưng anh Q vẫn không thay đổi, không quan tâm đến gia đình, vợ con nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, chị N đã về nhà cha mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng cũng ly thân phần ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau đã được hơn 01 năm 06 tháng. Từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ (niêm yết) các văn bản tố tụng cho anh Q nhiều lần để làm bản tự khai, tham gia các phiên họp và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh Q đều không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị N. Bên cạnh đó, tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của tổ dân phố 7, thị trấn Kbang, huyện Kbang thể hiện từ tháng 6/2019 chị N và anh Q đã không còn chung sống với nhau nữa.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Q.

[5] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Nhân Q có 01 con chung tên Nguyễn Phạm N A, sinh ngày 20/6/2015. chị N có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên, có khả năng tự lập được. Từ trước đến nay, cháu A đều sống cùng chị N, cháu A được chăm sóc phát triển bình thường, hiện cháu đang học tại trường mẫu giáo Bông Hồng I huyện Kbang. Do vậy, để không làm đảo lộn cuộc sống, sinh hoạt, học tập bình thường của cháu A; Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu A cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh Q không có tài sản chung và nợ chung nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Nhân Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm N A, sinh ngày 20/6/2015 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003658 ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Chị N đã nộp đủ án phí.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị N